TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2022.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trường D, sinh năm 1988 *(có mặt).*

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Việt N, sinh năm 1974 *(vắng mặt).*

Cùng địa chỉ: Ấp Minh H, xã An Minh B, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Trường D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Trường D và anh Phan Văn Việt N (sau đây gọi tắt là chị D, anh N) tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày

27/02/2015. Vợ chồng chị D, anh N sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhiều lần vợ chồng chị D, anh N hàn gắn nhưng không thành, nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc chị D yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị D, anh N có 02 người con chung tên Phan Kim Mận, sinh ngày 09/10/2005 và Phan Kim Đồng, sinh ngày 29/4/2009 (hiện cháu Mận đang sống với anh Nam, cháu Đồng đang sống với chị D). Vợ chồng ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu Đồng, giao cháu Mận cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Con sống với ai thì người đó nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con, đồng thời chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai cùng ngày 25/01/2022 của cháu Mận có nguyện vọng được sống với anh N, cháu Đồng có nguyện vọng được sống với chị D khi cha mẹ ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phan Văn Việt N được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh N vắng mặt, không có lý do*. Tuy nhiên, tại đơn xin ly hôn ngày 12/10/2021 của anh N, chị D trình bày: Năm 2020 vợ chồng anh N, chị D bất đồng ý kiến, sống không hạnh phúc nên vợ chồng tự thống nhất thuận tình ly hôn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị D kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh N, lý do vợ chồng thường xuyên cự cải, luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nên ngày 12/10/2021 vợ chồng tự thỏa thuận, thuận tình ly hôn; về con chung vợ chồng chị D, anh N có 02 người tên Phan Kim Mận, Phan Kim Đồng. Vợ chồng ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu Đồng, giao cháu Mận cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Con sống với ai thì người đó nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn anh Phan Văn Việt N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Trường D. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Phan Văn Việt N.

[2]. **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị D và anh N là hợp pháp. Tại phiên tòa chị D trình bày lý do xin ly hôn với anh N là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Nhiều lần vợ chồng chị D, anh N và gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành, nên vợ chồng tự ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống không còn hạnh phúc nên chị D, anh N tự làm đơn thuận tình ly hôn ngày 12/10/2021. Tình trạng hôn nhân của chị D, anh N cũng được chính quyền địa phương và UBND xã An Minh Bắc xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị D kiên quyết xin ly hôn với anh N, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh N không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị D được ly hôn với anh N.

[3]. **Về con chung:** Chị Duy, anh Nam có 02 người con chung tên Phan Kim Mận và Phan Kim Đồng. Vợ chồng ly hôn chị Duy yêu cầu được nuôi cháu Đồng, giao cháu Mận cho anh Nam tiếp tục nuôi dưỡng, con sống với ai thì người đó nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai cùng ngày 25/01/2022 của cháu Mận có nguyện vọng được sống với anh Nam, cháu Đồng có nguyện vọng được sống với chị Duy khi cha mẹ ly hôn. Do đó, HĐXX thống nhất giao cháu Mận cho anh Nam tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Đồng cho chị Duy tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con. Chị Duy, anh Nam không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Duy, anh Nam không yêu cầu.

[4]. **Về chia tài sản chung:** Chị D, anh N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5]. **Về án phí:** Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003060 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Trường D với anh Phan Văn Việt N.

2. *Về con chung:* Giao con chung Phan Kim Mận, sinh ngày 09/10/2005, (hiện đang sống với anh N) cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Phan Kim Đồng, sinh ngày 29/4/2009 (hiện cháu Đồng đang sống với chị D) cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Trường D, anh Phan Văn Việt N có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Chị D, anh N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Chị Nguyễn Trường D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003060 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7;

7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)

Danh Hoàng